

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2026; Năm học 2025-2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG THANH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ vào Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-UBND, ngày 08/5/2026 của UBND phường Mường Thanh về việc Thành lập Hội đồng xét duyệt, thẩm định hồ sơ trợ chế độ cho học sinh học kỳ II (Tháng 01-5/2026) năm học 2025 - 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội phường Mường Thanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2026; năm học 2025-2026. (Có biểu tổng hợp và danh sách chi tiết kèm theo).

Tổng số học sinh và kinh phí cụ thể như sau:

1. Tổng số học sinh: 31 học sinh.
2. Tổng số tiền chi hỗ trợ ăn trưa là: 24.800.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn)

Điều 2. Giao Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội phường phối hợp với các trường tổ chức chi trả chế độ cho học sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị; Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Hiệu trưởng các đơn vị trường học có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thườn trực HĐND Phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Như điều 3;
- Phòng KT, HT&ĐT;
- Phòng VH-XH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Oanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG MUỖNG THANH**

Biểu số 02

**TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA
CHO TRẺ EM 5 TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 105/2020/NĐ-CP**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND phường Mường Thanh)

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA CHO TRẺ EM 5 TUỔI

Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2026. Năm học 2025 - 2026

Theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính Phủ.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND phường Mường Thanh)

Đơn vị tính: đồng

ST T	Tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Đối tượng				Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Họ tên chủ tài khoản nhận chế độ	Số tài khoản	Ngân hàng mở TK	Quan hệ với học sinh	Ghi chú
					Cận nghèo	Hộ nghèo	Xã, thôn đặc biệt khó khăn	Khuyết tật							
	A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=2*7	9	10	11	12	13
I	Trường Mầm non Nam Thanh						6	1	35	5.600.000					
1	Nguyễn Quỳnh Như	28/10/2020	MG Lớn D1	160.000				1	5	800.000	Lò Thị Thiên	109872126855	Vietinbank	Mẹ đẻ	
2	Lò Kiến Quốc	02/11/2020	MG Lớn D2	160.000			1		5	800.000	Lò Thị Thu	8903205121399	Agribank	Mẹ đẻ	
3	Lường Thục Nhi	08/09/2020	MG Lớn D2	160.000			1		5	800.000	Lò Thị Dương	8910215003400	Agribank	Mẹ đẻ	
4	Nguyễn Đức Huy	27/02/2020	MG Lớn D2	160.000			1		5	800.000	Nguyễn Thái Tính	89038 1989 1989	Agribank	Bố đẻ	
5	Lý Giao Nhi	20/07/2020	MG Lớn D3	160.000			1		5	800.000	Lò Thị Hương	101878951838	Vietinbank	Mẹ đẻ	
6	Nùng Yến Chi	29/09/2020	MG Lớn D3	160.000			1		5	800.000	Nùng Văn Thành	107875934877	Vietinbank	Bố đẻ	
7	Nguyễn Thanh Tùng	01/10/2020	MG Lớn D3	160.000			1		5	800.000	Quảng Thị Thoan	8893582358	BIDV	Mẹ đẻ	
II	Trường Mầm non Hoa Mơ						2	0	10	1.600.000					
1	Lò Thị Anh Thư	14/9/2020	MG lớn D1	160.000			1		5	800.000	Lò Thị Kim Thoa	101880317303	Vietinbank	Mẹ	
2	Nguyễn Anh Minh	29/10/2020	MG lớn D1	160.000			1		5	800.000	Nguyễn Trường Mạnh	109801721990	Vietinbank	Bố	
III	Trường Mầm non Hoa Sen						3	0	15	2.400.000					
1	Mùa Minh Hải	26/01/2020	MG lớn A	160.000			1		5	800.000	Mùa Minh Hải	105876836050	Vietinbank	Mẹ đẻ	
2	Lương Minh Tùng	01/01/2020	MG lớn A	160.000			1		5	800.000	Lương Nguyên Phong	3600833006	BIDV	Bố đẻ	

ST T	Tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Đối tượng				Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Họ tên chủ tài khoản nhận chế độ	Số tài khoản	Ngân hàng mở TK	Quan hệ với học sinh	Ghi chú
					Cận nghèo	Hộ nghèo	Xã, thôn đặc biệt khó khăn	Khuyết tật							
	A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=2*7	9	10	11	12	13
3	Cử Minh Khôi	23/06/2020	MG lớn B	160.000			1		5	800.000	Vũ Thị Khua	109875437047	Vietinbank	Mẹ đẻ	
IV	Trường Mầm non Noong Bua						4	0	20	3.200.000					
1	Vũ Hoàng Gia Bảo	05/01/2020	MG Lớn D1	160.000			1		5	800.000	Lương Thị Thúy	8875853471	BIDV	Mẹ đẻ	
2	Mùa Mạnh Hùng	17/12/2020	MG Nhỡ D1	160.000			1		5	800.000	Phàng Thị Tấu	3600517142	BIDV	Mẹ đẻ	
3	Giàng Thị Linh Hà	28/9/2020	MG Nhỡ D2	160.000			1		5	800.000	Thảo Thị Lìa	104 878 316 568	Vietinbank	Mẹ đẻ	
4	Hạng Thị Thu Hà	25/11/2020	MG Nhỡ D2	160.000			1		5	800.000	Hạng A Sử	108 001 209 458	Vietinbank	Bố đẻ	
IV	Trường Mầm non Thanh Xương					2	11	2	75	12.000.000					
1	Lê Hữu Đức Trọng	12/02/2020	MG Lớn A	160.000				1	5	800.000	Cù Thị Hiền	8910205038618	Agribank	Mẹ đẻ	
2	Sùng Bình An	21/06/2020	MG Lớn A	160.000			1		5	800.000	Trần Thị Thơm	3600679741	BIDV	Mẹ đẻ	
3	Vũ Gia Hoàng Khánh	07/08/2020	MG Lớn A	160.000			1		5	800.000	Giàng Thị Trò	8910205054427	Agribank	Mẹ đẻ	
4	Vàng Quỳnh Anh	25/09/2020	MG Lớn A	160.000			1		5	800.000	Hạng Thị Xua	8910205056950	Agribank	Mẹ đẻ	
5	Hồ Thanh Phong	10/11/2020	MG Lớn A	160.000			1		5	800.000	Cao Thị Ái	8865646986	BIDV	Mẹ đẻ	
6	Cà Thị Cẩm Anh	28/11/2020	MG Lớn B	160.000			1		5	800.000	Và Thị Ká	3600721989	BIDV	Mẹ đẻ	
7	Phạm Thanh Bình	16/02/2020	MG Lớn B	160.000				1	5	800.000	Trần Thị Thu Hoà	3600124861	BIDV	Mẹ đẻ	
8	Lương Khánh Ngọc	10/02/2020	MG Lớn B	160.000			1		5	800.000	Lương Văn Châm	3600602622	BIDV	Bố đẻ	
9	Quảng Anh Thái	03/11/2020	MG Lớn Pú Tầu	160.000			1		5	800.000	Quảng Văn Tiến	102880279634	Vietinbank	Cha đẻ	
10	Lò Minh Hoàng	25/12/2020	MG Lớn Pú Tầu	160.000			1		5	800.000	Lò Thị Diên	8900205198720	Agribank	Mẹ đẻ	

ST T	Tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Đối tượng				Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Họ tên chủ tài khoản nhận chế độ	Số tài khoản	Ngân hàng mở TK	Quan hệ với học sinh	Ghi chú
					Cận nghèo	Hộ nghèo	Xã, thôn đặc biệt khó khăn	Khuyết tật							
	A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=2*7	9	10	11	12	13
3	Cử Minh Khôi	23/06/2020	MG lớn B	160.000			1		5	800.000	Vừ Thị Khua	109875437047	Vietinbank	Mẹ đẻ	
IV	Trường Mầm non Noong Bua						4	0	20	3.200.000					
1	Vũ Hoàng Gia Bảo	05/01/2020	MG Lớn D1	160.000			1		5	800.000	Lương Thị Thúy	8875853471	BIDV	Mẹ đẻ	
2	Mùa Mạnh Hùng	17/12/2020	MG Nhỡ D1	160.000			1		5	800.000	Phảng Thị Tấu	3600517142	BIDV	Mẹ đẻ	
3	Giảng Thị Linh Hà	28/9/2020	MG Nhỡ D2	160.000			1		5	800.000	Thảo Thị Lia	104 878 316 568	Vietinbank	Mẹ đẻ	
4	Hạng Thị Thu Hà	25/11/2020	MG Nhỡ D2	160.000			1		5	800.000	Hạng A Sứ	108 001 209 458	Vietinbank	Bố đẻ	
IV	Trường Mầm non Thanh Xương					2	11	2	75	12.000.000					
1	Lê Hữu Đức Trọng	12/02/2020	MG Lớn A	160.000				1	5	800.000	Cù Thị Hiền	8910205038618	Agribank	Mẹ đẻ	
2	Sùng Bình An	21/06/2020	MG Lớn A	160.000			1		5	800.000	Trần Thị Thơm	3600679741	BIDV	Mẹ đẻ	
3	Vừ Gia Hoàng Khánh	07/08/2020	MG Lớn A	160.000			1		5	800.000	Giảng Thị Trò	8910205054427	Agribank	Mẹ đẻ	
4	Vàng Quỳnh Anh	25/09/2020	MG Lớn A	160.000			1		5	800.000	Hạng Thị Xua	8910205056950	Agribank	Mẹ đẻ	
5	Hồ Thanh Phong	10/11/2020	MG Lớn A	160.000			1		5	800.000	Cao Thị Ái	8865646986	BIDV	Mẹ đẻ	
6	Cà Thị Cẩm Anh	28/11/2020	MG Lớn B	160.000			1		5	800.000	Và Thị Ká	3600721989	BIDV	Mẹ đẻ	
7	Phạm Thanh Bình	16/02/2020	MG Lớn B	160.000				1	5	800.000	Trần Thị Thu Hoà	3600124861	BIDV	Mẹ đẻ	
8	Lương Khánh Ngọc	10/02/2020	MG Lớn B	160.000			1		5	800.000	Lương Văn Châm	3600602622	BIDV	Bố đẻ	
9	Quảng Anh Thái	03/11/2020	MG Lớn Pù Tùu	160.000			1		5	800.000	Quảng Văn Tiến	102880279634	Vietinbank	Cha đẻ	
10	Lò Minh Hoàng	25/12/2020	MG Lớn Pù Tùu	160.000			1		5	800.000	Lò Thị Diên	8900205198720	Agribank	Mẹ đẻ	